**Mẫu số 34 - Phụ lục 2. Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích giấy phép khai thácvà diện tích còn lại tiếp tục khai thác khoáng sản**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tọa độ các điểm khép góc**

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm góc | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu… |
| X(m) | Y(m) |
| Khu vực tiếp tục khai thác |
| 12… |  |  |
| Diện tích: ... ha |
| Khu vực trả lại |
| 12… |  |  |
| Diện tích: ... ha |

Khung tọa độ | **BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP KHAI THÁC VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC KHAI THÁC**(tên khoáng sản)…..tại khu vực (mỏ)…., xã….., huyện…., tỉnh….(Kèm theo Quyết định số......./QĐ-BTNMT ngày.... tháng ...năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trườngNền địa hìnhRanh giới khu vực trả lại một phần diện tích khai thác và phần diện tích còn lại tiếp tục khai thácRanh giới khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

|  |  |
| --- | --- |
| Người thành lậpTỷ lệ:….. (Ký, họ tên) | Tổ chức, cá nhân thành lập(Ký, đóng dấu) |

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...,kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu...” | CHỈ DẪN |